TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng cho con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Tô Tiến Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST–HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Ngọc Q, sinh năm 1978; cư trú tại: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị H kết hôn với anh Bùi Ngọc Q năm 2008. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 12-4-2016

theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28/2015. Năm 2016, chị và anh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q không chịu làm việc, thường xuyên uống rượu, có mối quan hệ thân thiết với nhiều phụ nữ. Anh Q có lối sống không lành mạnh. Chị và anh Q đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay.

Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh Q.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Nguyễn P, sinh ngày 16-8-2011 và Bùi Nguyễn Ph, sinh ngày 21-11-2013. Hiện, hai cháu đang ở chung với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung. Yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: thời gian chung sống, chị và anh cùng nhau xây dựng căn nhà trên phần đất được cha mẹ chồng cho tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Nhà được xây dựng năm 2011, diện tích căn nhà khoảng 30m^2, trị giá khoảng 70.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu chia đôi giá trị tài sản, đồng ý giao cho anh Quý sử dụng căn nhà, yêu cầu anh Q giao cho chị H giá trị ½ căn nhà tương ứng số tiền 35.000.000 đồng.

Ngày 27 tháng 2 năm 2018, chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Về tài sản chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H không tranh chấp về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Bùi Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh Q không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị H và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo biên bản xác minh ngày 27 tháng 02 năm 2018, ông Nguyễn Long G – cán bộ Tư pháp xã T cung cấp như sau: Chị H và anh Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống có hai con chung tên Bùi Nguyễn P và Bùi Nguyễn Ph. Hai con chung hiện đang sống với chị H. Mâu thuẫn giữa chị H và anh Q do các đương sự không trình báo nên địa phương không được biết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể như sau: về hôn nhân: cho chị H ly hôn với anh Q; về con chung, giao cho chị H nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng cho con theo quy định; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Bùi Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Bùi Ngọc Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng cho con; anh Q có nơi cư trú tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Ngọc Q là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 5 năm 2017, hai bên đã không còn sống chung với nhau. Có cơ sở xác định chị H và anh Q không còn thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn với anh Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn P, sinh ngày 16-8-2011 và cháu Bùi Nguyễn Ph, sinh ngày 21-11-2013. Cháu P và cháu Ph hiện đang chung sống với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi hai con chung. Anh Q vắng mặt không tham gia tố tụng, không tranh chấp về nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H có nghề nghiệp, nơi ở, thu nhập ổn

định đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét giao cháu Bùi Nguyễn P, sinh ngày 16-8-2011 và cháu Bùi Nguyễn Ph, sinh ngày 21-11-2013 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Q có việc làm và thu nhập ổn định. Mức cấp dưỡng chị H yêu cầu là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh Q và nhu cầu thiết yếu của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Ngày 27 tháng 2 năm 2018, chị Nguyễn Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp về tài sản chung là căn nhà có diện tích 30m^2 tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương trị giá khoảng 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà có diện tích 30m^2 tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương trị giá khoảng 70.000.000 đồng theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q vắng mặt, không tranh chấp về tài sản chung. Chị H, anh Q không tranh chấp về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị H, anh Q không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Về án phí: nguyên đơn chị H, bị đơn anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn anh Bùi Ngọc Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng cho con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Ngọc Q.

- Về nuôi con chung: giao cháu Bùi Nguyễn P, sinh ngày 16-8-2011 và Bùi Nguyễn Ph, sinh ngày 21-11-2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh Bùi Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bùi Nguyễn P, sinh ngày 16-8-2011 và cháu Bùi Nguyễn Ph, sinh ngày 21-11-2013 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng). Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung: đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn anh Bùi Ngọc Q về chia tài sản chung là căn nhà có diện tích 30m^2 tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương trị giá khoảng 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Ngọc Q không tranh chấp về nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.175.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002807 ngày 01-02-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Hoàn lại cho chị H 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) còn thừa.

- Anh Bùi Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ánh Tuyết